TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **Tỉnh Hậu Giang**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16-5-2019
V/v: Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Chuộng

2. Bà Trịnh Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Văn T

Địa chỉ cư trú: Ấp Trường Bình B, xã Trường Long B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. (có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Lê Thị Kim T

Ấp Trường Bình B, xã Trường Long B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. (có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 08 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình tố tụng tại tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1989, hôn nhân tự nguyện, nhưng không có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm nghiêm trọng nên đã ly thân khoảng 05 năm. Nhận thấy tình cảm không còn nên anh làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Kim T.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 02/3/1990, đã trưởng thành nên không có yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Lê Thị Kim T trình bày: Chị cũng thống nhất với phần trình bày của anh T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản cung và nợ chung. Chị cũng đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành A phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự, đảm bảo cho đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Kim T là vợ chồng. Về con chung đã trưởng thành nên không đề cặp giải quyết, tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí phía nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Kim T kết hôn với nhau tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình

chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên đã ly thân cách được 05 năm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh T làm đơn xin ly hôn với chị T nên phát sinh tranh chấp. Đây là tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 điều chỉnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do chị Lê Thị Kim T là người bị kiện (bị đơn) có địa chỉ cư trú ở ấp Trường Bình B, xã Trường Long B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành A theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Kim T tuy được xây dựng trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung hạnh phúc hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T nên Hội đồng xét xử căn cứ hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Kim T.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1990, đã trên 18 tuổi, anh chị không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do anh Nguyễn Văn T là

nguyên đơn trong vụ án cho nên anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Kim T là vợ chồng. Về con chung đã trưởng thành nên không đề cặp giải quyết, tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí phía nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Kim T.

2. Về con chung: Đã trên 18 tuổi các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đồng. Chuyển 300.000đồng tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai số 0018852 ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Đua

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Trường Long B;
- Lưu hồ sơ vụ án.